TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐIỆN BÀN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2017/DS-ST.
Ngày: 15-8-2017
V/v Tranh chấp
Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Phi Long

2. Ông Nguyễn Đàn

- *Thư ký phiên toà:* Bà Hà Lê Như Quỳnh – Thẩm tra viên Toà án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- *Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên toà,* ông Hà Đức Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2017/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2017/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP VNTV; Địa chỉ: Tầng 1-7, tòa nhà T, số 72 phố T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1993, địa chỉ: Số 77, đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày 20 tháng 02 năm 2017) (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Lê Thị V, sinh năm 1970; Địa chỉ: thôn T, xã Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/02/2017 của Ngân hàng TMCP VNTV và những lời khai tiếp theo của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Vào ngày 30/10/2014, bà Lê Thị V có làm đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP VNTV (VP Bank), đề nghị vay số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng y). Thời hạn vay yêu cầu là 24 tháng, lãi suất tối đa là 2,91%/tháng. Trong đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm HĐTD có số hiệu hồ sơ là 118409, mục đích để quản lý hồ sơ, ngoài ra trong đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ,vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng không có số hợp đồng. Tại phần phê duyệt của VP Bank có ghi giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20141029-500003-0025, đây là phần chấp thuận giao kết hợp đồng của Ngân hàng phê duyệt số tiền vay là 52.500.000đ (năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng). Trong đó khoản vay tiêu dùng là 50.000.000đ và số tiền 2.500.000đ bà V vay của Ngân hàng để nộp phí bảo hiểm. Thời hạn vay 24 tháng tính từ ngày 30/10/2014, lãi suất 35%/năm. Đây là một phần của hợp đồng không thể tách rời nên được đóng giáp lai cùng với bộ hồ sơ gồm: phần phê duyệt của VP Bank, đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng. Vì vậy, mặc dù trong đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng không có số nhưng số Hợp đồng tín dụng vẫn là 20141029-500003-0025 và làm căn cứ để giải ngân, thu hồi nợ đối với bà Lê Thị V.

Sau khi có phê duyệt của Ngân hàng, bà Lê Thị V nhận tiền giải ngân thông qua thẻ ghi nợ theo thông tin cá nhân của bà V. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, bà V có trách nhiệm thanh toán nợ gốc và lãi vào ngày 01 hằng tháng. Thời điểm bắt đầu tra nợ là ngày 01/12/2014 và phải trả số tiền là 3.073.000đ thông qua các điểm thu hộ tại thị xã Điện Bàn hoặc trên phạm vi cả nước của VP Bank.

Sau khi giải ngân, bà V đã thanh toán 10 kỳ với số tiền là 30.730.000đ. Trong đó, nợ gốc là 17.540.635đ, nợ lãi: 13.189.365đ. Kể từ ngày 29/02/2016, bà V không thanh toán thêm bất kỳ khoản nào cho Ngân hàng. Vì vậy, nhân viên Ngân hàng nhiều lần gọi điện và đến nhà bà V nhắc nhở nhưng chỉ liên hệ được một thời gian và đến nhà mà không gặp. Việc bà V vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng và cố tình trốn tránh gây rất nhiều khó khăn cho Ngân hàng nên Ngân hàng TMCP VNTV yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị V phải trả lại cho Ngân hàng khoản nợ cụ thể:

- Trả toàn bộ khoản nợ gốc đến hạn: 34.959.365đ
- Trả toàn bộ khoản nợ lãi đến hạn: 8.135.635đ

Tổng cộng: 43.095.000đ

(Bốn mươi ba triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng). Ngoài ra, Ngân hàng TMCP VNTV không yêu cầu tính lãi quá hạn phát sinh.

Trong đơn đề nghị vay vốn có ghi tên ông Trương Đình Hùng là chồng và ông Trương Đình Tuấn là con của bà Lê Thị V, mục đích xác nhận tham chiếu thông tin, để Ngân hàng có cơ sở cho bà V vay tiền. Người vay tiền là bà Lê Thị V nên bà V phải có trách nhiệm trả tiền chứ không liên quan gì đến ông Hùng và ông Tuấn. Ông Trương Đình Hùng và ông Trương Đình Tuấn không có nghĩa vụ dân sự đối với khoản vay của bà Lê Thị V.

Bị đơn, bà Lê Thị V đã được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày của bà V.

Tóm tắc ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn nhiều lần vắng mặt không có lý do.

+ Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP VNTV, buộc bà Lê Thị V phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP VNTV số tiền còn nợ 43.095.000đ (bốn mươi ba triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP VNTV và bị đơn bà Lê Thị V. Bị đơn có HKTT tại địa chỉ: thôn T, xã Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Bị đơn bà Lê Thị V đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 01/2015 cho đến nay không về địa phương. Khi đi, bà V không báo chính quyền địa phương cũng như phía Ngân hàng và không thực hiện nghĩa vụ đối với khoản vay của Ngân hàng TMCP VNTV theo Hợp đồng đã ký kết. Đây là trường hợp cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án tiến hành niêm yết văn bản tố tụng và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 30/10/2014, bà Lê Thị V có đơn đề nghị Ngân hàng TMCP VNTV mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng. Cùng ngày, Ngân hàng TMCP VNTV phê duyệt nội dung đề nghị, số tiền vay được phê duyệt là 52.500.000đ, trong đó vay tiêu dùng: 50.000.000đ, vay trả phí bảo hiểm: 2.500.000đ. Mặc dù trong đơn đề nghị vay kiêm hợp đồng tín dụng mà bà V nộp chỉ có số hồ sơ mà không có số hợp đồng nhưng tại phần phê duyệt của VP Bank có số hợp đồng là 20141029-500003-0025. Đây là phần không thể tách rời của Hợp đồng và được đóng dấu giáp lai của Ngân hàng nên số Hợp đồng tín dụng là 20141029-500003-0025 và làm căn cứ để giải ngân, thu hồi nợ đối với bà Lê Thị V. Bà Lê Thị V đã nhận đủ số tiền vay của Ngân hàng.

Theo thỏa thuận tại hợp đồng, bà Lê Thị V có trách nhiệm thanh toán hàng tháng tiền nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng với tổng số tiền phải thanh toán là 73.825.000đ (gồm cả gốc và lãi), trả chậm trong 36 tháng. Trong đó, 23 tháng đầu

mỗi tháng trả số tiền 3.073.000đ, tháng cuối cùng trả 3.146.000đ. Thanh toán vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/12/2014

Sau khi vay vốn, bà V đã thanh toán 10 kỳ với số tiền là 30.730.000đ. Trong đó, nợ gốc là 17.540.635đ, nợ lãi: 13.189.365đ. Kể từ ngày 29/02/2016, bà V không thanh toán thêm bất kỳ khoản nào cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị V phải trả lại cho Ngân hàng khoản nợ cụ thể: Trả toàn bộ khoản nợ gốc đến hạn: 34.959.365đ; Trả toàn bộ khoản nợ lãi đến hạn: 8.135.635đ; Tổng cộng: 43.095.000đ (bốn mươi ba triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng). Ngoài ra, Ngân hàng TMCP VNTV không yêu cầu tính lãi quá hạn phát sinh.

Mặc dù bà V không có mặt bà V tại phiên tòa nhưng hồ sơ thể hiện bà V đã ký vào đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng với các thỏa thuận về số tiền, lãi suất, thời gian như trình bày của đại diện Ngân hàng. Bà V đã nhận đủ tiền thông qua thẻ ghi nợ và đã thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng trong 10 kỳ với số tiền tổng cộng là 30.073.000đ. Qua làm việc với chính quyền địa phương cũng như đại diện gia đình, bà Phạm Thị Huyên (mẹ chồng bà V) cho biết bà V đang làm ăn ở Gia Lai, bà Huyên có nhận văn bản tố tụng của Tòa án và báo cho bà V viết nhưng bà V bận làm ăn nên không về được. Bà V cam kết đến cuối năm 2017 sẽ trả hết nợ cho Ngân hàng. Do đó, có căn cứ xác định bà V còn nợ của Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 43.095.000đ (Bốn mươi ba triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng), nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay tổng cộng 43.095.000đ, trong đó: nợ gốc là 34.959.365đ và nợ lãi là 8.135.635đ (lãi suất được tính đến ngày 01/11/2016).

Sau ngày 01/12/2016 đến khi bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả bất kỳ khoản lãi nào nữa. Sau ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị đơn phải chịu lãi chậm thi hành án theo quy định của Bộ luật dân sự theo yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91 của Luật tổ chức các tín dụng; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP VNTV đối với bà Lê Thị V về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Lê Thị V phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP VNTV số tiền nợ vay tổng cộng là 43.095.000đ, trong đó: nợ gốc là 34.959.365đ và nợ lãi là 8.135.635đ

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[2] Về án phí: bà Lê Thị V phải chịu 2.154.750đ (hai triệu một trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm năm mươi đồng) tiền án phí DSST. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP VNTV số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.077.000đ (một triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008321, ngày 21/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo gởi lên TAND tỉnh Quảng Nam để xin xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bán án được niêm yết công khai.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự**.**

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã Điện Bàn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Điện Bàn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân